

Thị trường tăng bùng nổ

Diễn biến phiên giao dịch hôm nay khá bất ngờ khi áp lực điều chỉnh chỉ diễn ra trong phiên giao dịch buổi sáng và dòng tiền bất ngờ quay lại mua mạnh giúp các chỉ số cũng như nhiều cổ phiếu lớn tăng bùng nổ ở cuối phiên. VNIndex đóng cửa đạt 998 điểm +9.9 điểm và VN30 đạt 975 điểm tăng 10.44 điểm với thanh khoản toàn thị trường tích cực đạt mức 5.500 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng đồng thuận tăng trở lại trong phiên hôm nay với BID +3.7%, CTG +2.2%, VCB, MBB, VPB, ACB, TCB, STB...đều tăng điểm. Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán cũng tăng tốt với HCM +4.1%, VCI +3.9%, VND, SSI, SHS, MBS cũng tăng nhẹ. Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí tăng mạnh như GAS +4.1%, PLX +2.2%, PVS +5.8%, PVD +3.3%, BSR +1.2%...Nhóm cổ phiếu ngành xây dựng và bất động sản tầm trung cũng tăng điểm tích cực với CTD +3.9%, HBC +2.2%, DXG, CEO, DIG, LDG... tăng giá nhẹ. Nhóm cổ phiếu ngành hàng tiêu dùng và bán lẻ biến động trái chiều với MSN +6.6%, PNJ + 1.8%, MWG tăng nhẹ và SAB tham chiếu trong khi VNM vẫn giảm điểm.

Khối nhà đầu tư ngoại giao dịch mạnh trong phiên hôm nay và khối này bán ròng nhẹ gần 30 tỷ trên sàn HOSE. Các cổ phiếu như HPG, VNM, VIC, PDR, GEX, LDG ...chịu áp lực bán ròng khá mạnh và ở chiều ngược lại khối này tích cực mua ròng KDH +4 triệu cổ phiếu. E1VFN30 +2.4 triệu CCQ, ngoài ra các cổ phiếu như VCB, GAS, HDB, VJC, DXG, MSN, CTD... cũng được tích cực mua ròng.

Thị trường điều chỉnh khá nhanh và dứt khoát khi VNIndex nhận được hỗ trợ quanh vùng 980 điểm. Theo chúng tôi quan sát thì áp lực bán không lớn khi điều chỉnh và dòng tiền bất ngờ quay trở lại khá mạnh mẽ ở nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn và trải rộng trên nhiều nhóm ngành giúp cho đà tăng và sự lan tỏa mạnh. Diễn biến phiên giao dịch hôm nay khá hoàn hảo với điểm số tăng mạnh, thanh khoản tích cực và đà tăng lan tỏa theo diện rộng cho thấy sức mạnh của xu hướng hiện tại ngày càng mạnh hơn. Chúng tôi cho rằng các chỉ số đang đứng trước cơ hội kiểm định lại vùng MA200 ngày như đã đề cập trong các bản tin gần đây và các cổ phiếu đang có cơ hội để tiếp nối đà hồi phục. Tuy nhiên, mức độ hưng phấn của thị trường sau phiên giao dịch hôm nay tăng khá cao và điều này có thể tạo ra áp lực điều chỉnh trở lại khi các chỉ số tiến về vùng MA200 ngày.

Thống kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	998.1	113.6
% Thay đổi	1.00	0.71
Khối lượng	186.7	52.7
Giá trị (tỷ đồng)	4,574.2	793.6
Số mã tăng	168	83
Số mã giảm	115	85
Không thay đổi	81	208

Hàng hóa & Tiền tệ	Giá đóng cửa	%chg
Gold(USD/Oz)	1,206	-0.04
WTI Oil (\$/B) 1Mth	70	0.63
Brent Oil (\$/B) 1Mth	78	0.66
USDVND	23,302	-0.03
EURVND	27,246	-0.26



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng Index (%)	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x
Tiêu dùng thiết yếu	2.98	0.67%	20.09	4.87
Thực phẩm và đồ uống	18.23	1.11%	24.91	7.17
Năng lượng	3.21	2.18%	19.94	3.76
Tài chính	27.10	1.58%	17.41	2.64
Y tế	0.96	0.55%	19.00	3.11
Công nghiệp	8.09	0.69%	16.96	4.28
Công nghệ thông tin	0.96	-0.28%	8.92	2.18
Vật liệu và hóa chất	4.57	0.22%	10.28	1.85
Bất động sản	26.18	-0.02%	55.59	4.66
Dịch vụ tiện ích	7.60	3.39%	16.35	4.04

Thị trường Khu vực	Giá đóng cửa	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x	Vốn hóa Tỷ US\$
China	3,351.1	-1.05%	12.41	1.64	3,898.8
India	11,676.8	-0.13%	24.35	3.19	1,203.2
Indonesia	6,019.0	-0.76%	19.94	2.29	467.6
Laos	877.0	0.00%	6.76	0.36	1.1
Malaysia	1,819.7	-0.05%	19.65	1.92	276.2
Philippines	7,853.2	0.28%	20.17	2.16	183.1
Taiwan	11,093.8	-0.05%	14.36	1.73	1,079.0
Thailand	1,720.4	-0.11%	17.05	2.04	530.9
Vietnam	998.1	1.00%	18.01	2.80	135.5

Nguồn: Bloomberg

HOSE					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
GAS	105,000	4,100	4.1	723,510	2.445
MSN	97,000	6,000	6.6	743,980	2.174
BID	34,900	1,250	3.7	3.29MLN	1.331
VCB	63,800	700	1.1	1.34MLN	0.785
CTG	27,600	600	2.2	7.42MLN	0.696

HNX					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
ACB	39,700	400	1.0	4.21MLN	0.437
PVS	21,800	1,200	5.8	8.68MLN	0.274
HHC	59,800	5,400	9.9	29,296	0.050
VGC	18,900	200	1.1	1.86MLN	0.041
NVB	8,200	100	1.2	5.85MLN	0.029

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
VHM	107,400	-900	-0.8	409,540	-0.751
VNM	156,500	-1,100	-0.7	899,040	-0.497
TCH	28,300	-850	-2.9	1.32MLN	-0.096
ROS	41,200	-350	-0.8	1.29MLN	-0.062
PDR	25,600	-450	-1.7	1.57MLN	-0.037

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
SHB	8,600	-100	-1.2	4.58MLN	-0.105
DL1	36,000	-1,200	-3.2	6,459	-0.062
SHN	9,400	-200	-2.1	1,880	-0.023
PVX	1,200	-100	-7.7	268,071	-0.020
VCS	87,700	-600	-0.7	83,318	-0.020

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
FLC	6,550	100	1.6	8.18MLN	0.022
CTG	27,600	600	2.2	7.42MLN	0.696
HAG	6,890	-100	-1.4	7.03MLN	-0.029
MBB	24,100	350	1.5	6.52MLN	0.236
HPG	39,650	50	0.1	6.45MLN	0.033

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
PVS	21,800	1,200	5.8	8.68MLN	0.000
DNP	15,000	500	3.5	7.00MLN	0.000
NVB	8,200	100	1.2	5.85MLN	0.000
SHB	8,600	-100	-1.2	4.58MLN	0.000
ACB	39,700	400	1.0	4.21MLN	0.000

Nguồn: Bloomberg 30/08/18

TIN VĨ MÔ

Thủ tướng: Tăng trưởng GDP năm 2018 có thể trên 6,7% - Phát biểu tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 hôm nay, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cho biết qua phân tích 12/12 chỉ tiêu Quốc hội giao năm 2018 có thể đạt và vượt. GDP có thể đạt trên 6,7%. Thu ngân sách vượt dự toán 3-5%. Nợ công giảm, lạm phát dưới 4%. Thủ tướng cho rằng tình hình kinh tế xã hội tháng 8 tốt hơn tháng trước. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2018 tăng 0,45% so với tháng trước. CPI bình quân 8 tháng năm 2018 tăng 3,52% so với bình quân cùng kỳ năm 2017.

TIN DOANH NGHIỆP

HBC- Ước lợi nhuận hợp nhất năm 2018 đạt 986 tỷ đồng - Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (Mã: HBC) vừa tổ chức gặp gỡ các nhà phân tích. Ban lãnh đạo cho biết ước 6 tháng cuối năm, công ty đạt doanh thu hợp nhất 11.601 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 692 tỷ đồng. Như vậy cả năm, Hòa Bình có thể đạt được doanh thu hợp nhất 19.681 tỷ đồng và lãi hợp nhất 986 tỷ đồng, tăng lần lượt 23% và 15% so với kết quả năm trước. Tuy nhiên so với kế hoạch năm, mức lợi nhuận đạt được chỉ khoảng 92%.

HAG - Lỗ ròng tăng 23 tỷ đồng sau soát xét - Theo BCTC soát xét nửa đầu năm 2018, CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HOSE: HAG) ghi nhận doanh thu thuần 2.914 tỷ đồng, tăng 18% cùng kỳ năm trước nhưng giảm nhẹ so với báo cáo tự lập. Đồng thời giá vốn hàng bán tăng lên 1.486 tỷ đồng, khiến lợi nhuận gộp giảm 24 tỷ đồng, xuống 1.428 tỷ đồng sau kiểm toán. Hậu kiểm toán, lợi nhuận sau thuế của công ty giảm từ 140 tỷ đồng xuống còn 100 tỷ đồng. Trong đó, lỗ thuộc về cổ đông công ty mẹ hơn 34,5 tỷ đồng, tăng 23 tỷ đồng so với báo cáo tự lập và cổ đông không kiểm soát có lãi gần 135 tỷ đồng.

TIN NGÀNH

Chưa đầy 8 tháng, thu từ dầu thô đã vượt dự toán cả năm - Báo cáo mới nhất từ Tổng cục Thống kê cho biết, trong khi thu nội địa đạt 649 nghìn tỷ đồng, bằng 59%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 125,2 nghìn tỷ đồng, bằng 70% thì thu từ dầu thô đã đạt 37,7 nghìn tỷ đồng, bằng 105,1% dự toán cả năm.

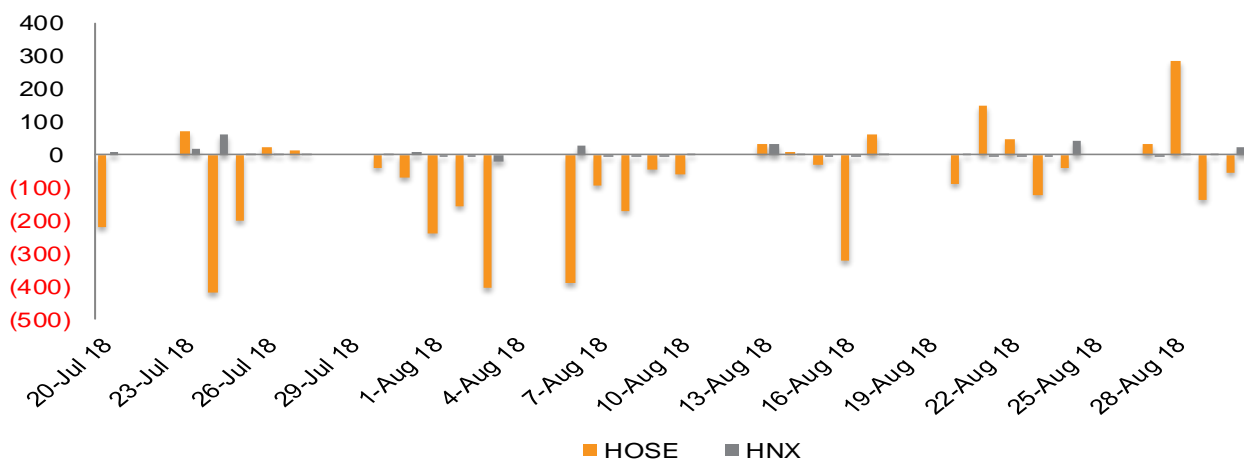
Cũng theo số liệu của Tổng cục Thống kê, xuất khẩu dầu thô của Việt Nam tính chung 8 tháng đã giảm mạnh về cả lượng và kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu dầu thô đạt 1,5 tỷ USD, giảm 24,6%, lượng giảm 46,6%. Trong khi đó, nhập khẩu xăng dầu trong 8 tháng của Việt Nam tăng 26,4%, đạt 5,7 tỷ USD do đóng góp của Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (Thanh Hóa).

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

KLGD (triệu CP)	so với phiên giao dịch trước		so với phiên giao dịch trước		GTGD (Tỷ đồng)	so với phiên giao dịch trước		so với phiên giao dịch trước	
	HOSE		HNX			HOSE		HNX	
MUA	17.2	110.0%	1.6	87.5%	MUA	883.8	133.6%	30.2	50.1%
% of market	9.4%	0-Jan	3.1%	0-Jan	% of market	20.0%	0-Jan	3.8%	0-Jan
BÁN	22.1	71.1%	1.0	23.9%	BÁN	936.4	81.1%	8.7	-41.5%
% of market	12.1%	0-Jan	2.0%	0-Jan	% of market	21.2%	0-Jan	1.1%	0-Jan
MUA (BÁN) RÒNG	(4.95)		0.6		MUA (BÁN) RÒNG	(52.6)		21.5	

Nguồn: HSX, HNX

Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)



LŨY KẾ 2018

KLGD (triệu CP)	HOSE	% of 2017	HNX	% of 2017	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	% of 2017	HNX	% of 2017
MUA	3,286.0	92.7%	336.3	83.9%	MUA	191,039.8	113.1%	6,260.8	75.1%
% of market	9.7%	0-Jan	3.7%	0-Jan	% of market	19.6%	0-Jan	3.7%	0-Jan
BÁN	3,057.9	93.9%	358.1	87.9%	BÁN	161,312.0	111.6%	6,950.8	80.7%
% of market	9.1%	0-Jan	3.9%	0-Jan	% of market	16.5%	0-Jan	4.2%	0-Jan
MUA (BÁN) RÒNG	228.2		(21.8)		MUA (BÁN) RÒNG	29,728		(690.0)	

Nguồn: HSX, HNX

GIAO DỊCH KHỎI NGOÀI

HOSE					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
KDH	18,900	0	0.00	122.2	0.000
VHM	21,800	-900	-0.83	119.1	-0.751
VNM	28,300	-1,100	-0.70	98.6	-0.497
VJC	8,600	1,500	0.97	59.0	0.253
HPG	115,000	50	0.13	58.4	0.033

HNX					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
VGC	18,900	200	1.07	15.0	0.000
PVS	21,800	1,200	5.83	5.8	0.000
DBC	28,300	300	1.07	4.2	0.000
SHB	8,600	-100	-1.15	2.0	0.000
TV2	115,000	-2,400	-2.04	1.1	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
VNM	8,600	-1,100	-0.70	168.0	-0.497	
HPG	3,200	50	0.13	167.5	0.033	
VHM	87,700	-900	-0.83	137.3	-0.751	
VIC	19,300	400	0.39	80.0	0.398	
SCS	42,500	0	0.00	52.8	0.000	

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
SHB	8,600	-100	-1.15	2.3	0.000	
TIG	3,200	0	0.00	1.6	0.000	
VCS	87,700	-600	-0.68	1.1	0.000	
PCG	19,300	700	3.76	0.9	0.000	
CAP	42,500	1,800	4.42	0.4	0.000	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
KDH	18,900	0	0.00	122.2	0.000	
VCB	21,800	700	1.11	29.9	0.785	
CTD	28,300	6,400	3.95	26.9	0.156	
HDB	115,000	1,000	2.69	26.2	0.306	
GAS	15,500	4,100	4.06	25.9	2.445	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
VGC	18,900	200	1.07	15.0	0.000	
PVS	21,800	1,200	5.83	5.7	0.000	
DBC	28,300	300	1.07	3.9	0.000	
TV2	115,000	-2,400	-2.04	1.1	0.000	
SHS	15,500	100	0.65	0.5	0.000	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
HPG	3,200	50	0.13	-109.1	0.033	
VNM	19,300	-1,100	-0.70	-69.5	-0.497	
VIC	87,700	400	0.39	-60.4	0.398	
DHG	42,500	800	0.87	-19.2	0.033	
VHM	8,600	-900	-0.83	-18.2	-0.751	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
TIG	3,200	0	0.00	-1.54	0.000	
PCG	19,300	700	3.76	-0.92	0.000	
VCS	87,700	-600	-0.68	-0.72	0.000	
CAP	42,500	1,800	4.42	-0.44	0.000	
SHB	8,600	-100	-1.15	-0.34	0.000	

30/08/2018

Nguồn Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 60 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá			Vốn hóa Tỷ đồng	SCP triệu CP	Freefloat %	% Room Khối ngoại	KLGDBQ 30 ngày	P/E x	P/B x	ROE %	ROA %
		1 tháng	3 tháng	6 tháng									
1 VIC	103,400	-2.8	12.7	31.8	330,014	3,192	57.6	21.5	1,457,832	82.4	7.3	10.8	1.7
2 VHM	107,400	-2.8	-8.2	N/A	287,790	2,680	100.0	33.2	464,594	45.7	3.1	N/A	N/A
3 VCB	63,800	11.3	22.7	-13.6	229,538	3,598	22.9	9.2	2,169,701	20.3	3.9	20.5	1.2
4 VNM	156,500	-7.1	-5.4	-20.2	227,113	1,451	46.2	40.9	891,578	25.7	8.7	34.9	28.8
5 GAS	105,000	20.8	17.6	-7.8	200,965	1,914	4.2	45.5	533,920	18.1	4.7	27.4	17.7
6 SAB	226,000	9.3	-1.3	-3.9	144,930	641	10.4	39.3	73,061	31.9	9.2	31.2	21.9
7 BID	34,900	32.7	26.4	-10.5	119,313	3,419	4.4	27.4	3,486,085	14.9	2.4	16.8	0.7
8 CTG	27,600	15.7	7.6	-17.9	102,766	3,723	15.8	0.0	6,009,428	13.2	1.5	12.2	0.7
9 MSN	97,000	19.2	21.3	8.7	102,165	1,053	37.9	20.1	560,254	18.1	6.0	32.2	8.8
10 TCB	26,300	0.8	N/A	N/A	91,960	3,497	81.8	0.0	1,574,832	8.6	1.9	24.3	3.2
11 VJC	156,900	8.6	28.1	-5.9	84,979	542	53.2	5.3	758,236	16.6	8.0	67.1	19.7
12 HPG	39,650	7.0	5.1	-15.9	84,213	2,124	55.8	10.1	5,852,001	9.4	2.3	30.1	17.6
13 PLX	68,800	18.6	17.6	-23.5	79,726	1,159	6.3	9.0	829,571	21.2	4.3	18.3	6.0
14 VRE	39,950	0.4	-4.9	-25.7	75,948	1,901	100.0	17.5	1,282,813	50.5	2.9	5.7	5.6
15 BVH	91,600	22.1	7.9	9.4	64,201	701	31.2	24.2	137,943	50.4	4.2	8.5	1.3
16 VPB	25,500	-6.6	1.2	-26.7	61,788	2,423	75.8	0.0	4,877,862	9.6	2.2	26.9	2.5
17 NVL	65,000	7.3	28.0	-0.8	58,985	907	31.1	40.5	562,833	25.7	4.2	18.7	4.7
18 MBB	24,100	2.6	4.1	-16.6	52,067	2,160	61.2	0.0	6,086,673	11.4	1.8	16.3	1.5
19 MVG	123,000	6.0	19.4	-0.8	39,712	323	85.7	0.0	598,677	14.5	5.3	43.9	13.7
20 HDB	38,200	8.5	4.1	-14.0	37,474	981	100.0	2.8	1,434,217	19.4	2.7	14.9	1.0
21 FPT	44,150	2.0	-2.9	-15.1	27,088	614	81.7	0.0	1,041,217	8.7	2.3	28.6	11.4
22 ROS	41,200	-3.1	-27.5	-64.0	23,385	568	27.0	46.7	961,473	28.2	4.1	14.7	8.4
23 STB	11,500	0.0	0.0	-28.6	20,742	1,804	94.0	13.5	4,756,864	14.0	0.9	6.4	0.4
24 BHN	84,900	-0.8	-18.9	-42.3	19,680	232	0.9	31.4	1,135	30.6	5.2	17.3	6.7
25 TPB	27,050	5.7	-5.7	N/A	18,011	666	95.3	0.0	231,263	15.8	2.3	15.9	0.8
26 EIB	14,000	-0.7	-2.4	-9.7	17,212	1,229	83.8	0.0	181,821	14.0	1.1	8.6	0.9
27 PNJ	106,000	9.4	-1.9	-4.6	17,187	162	64.1	0.0	465,608	20.7	5.1	33.9	19.8
28 SSI	32,250	12.8	7.7	-12.6	16,120	500	76.7	44.6	3,745,212	12.5	1.8	14.4	6.9
29 HNG	17,150	-0.6	133.7	176.6	15,209	887	44.7	56.2	2,886,928	N/A	1.4	-3.9	-1.3
30 CTD	168,500	12.6	22.1	-6.9	13,192	78	87.0	5.8	187,321	8.3	1.7	22.5	11.8
31 DHG	92,300	-7.7	-7.7	-11.5	12,068	131	31.9	53.7	211,301	22.9	4.1	18.4	14.1
32 KDH	30,850	-0.2	-5.1	-10.6	11,965	388	76.5	4.6	167,005	19.9	1.9	10.0	6.0
33 GEX	29,000	2.4	13.4	10.0	11,790	407	73.6	37.8	3,099,591	11.5	2.1	22.3	6.9
34 REE	36,500	5.8	14.1	-5.2	11,317	310	84.4	0.0	618,495	6.9	1.3	20.9	12.5
35 VCI	63,900	12.1	-2.0	0.1	10,416	163	65.3	58.7	111,168	14.9	3.4	30.5	13.9
36 TCH	28,300	12.1	2.7	42.2	9,998	353	50.0	45.2	1,415,906	26.3	2.2	8.5	7.8
37 DXG	29,000	9.4	0.9	-1.6	9,927	342	70.0	3.3	2,988,014	10.1	2.4	26.2	9.5
38 SBT	19,050	13.4	32.8	6.4	9,438	495	50.9	91.6	3,149,179	18.1	1.5	11.1	4.2
39 SCS	168,000	N/A	N/A	N/A	8,398	50	99.1	33.6	N/A	25.8	10.0	40.8	35.2
40 HCM	63,500	13.6	2.4	-20.6	8,227	130	66.5	39.0	307,533	10.4	2.8	29.3	16.8
41 GMD	26,550	1.5	5.4	-24.7	7,654	288	59.6	0.0	610,989	4.3	1.3	30.1	18.3
42 NT2	26,450	-2.4	-4.5	-16.6	7,614	288	32.1	27.4	162,261	9.1	2.1	19.5	8.5
43 VHC	77,000	9.5	51.3	49.5	7,107	92	38.5	60.5	133,721	8.9	2.2	27.2	15.0
44 PAN	57,500	6.5	0.2	-9.3	6,910	120	60.0	59.4	39,531	15.3	2.5	16.0	6.8
45 PDR	25,600	-2.7	-14.5	-13.5	6,820	266	37.8	42.0	966,041	13.0	2.2	19.4	5.4
46 VPI	42,200	-0.2	N/A	N/A	6,752	160	100.0	38.8	194,944	9.8	3.7	38.8	13.1
47 NLG	31,900	7.4	23.4	10.9	6,696	210	63.3	0.0	431,546	14.0	1.8	13.3	5.5
48 DPM	17,100	-5.5	3.6	-27.2	6,692	391	40.2	28.7	594,330	11.8	0.9	8.0	5.9
49 CII	26,750	6.2	-5.5	-25.1	6,546	245	88.1	14.0	470,304	N/A	1.3	-0.3	-0.1
50 HAG	6,890	-9.1	55.5	10.8	6,390	927	63.8	40.4	11,805,200	N/A	0.5	-4.4	-1.2
51 KDC	30,250	-12.6	-10.6	-29.3	6,221	206	41.7	28.8	118,849	N/A	1.0	-1.0	-0.5
52 YEG	197,000	-2.7	N/A	N/A	6,162	31	100.0	0.0	8,551	79.6	15.4	29.0	11.6
53 PVD	15,750	20.7	16.7	-31.5	6,030	383	49.4	29.8	3,260,045	N/A	0.5	-0.1	0.0
54 PPC	18,250	-2.4	6.7	-7.4	5,851	321	24.7	33.7	179,057	6.0	1.0	17.3	11.5
55 KBC	12,250	0.4	-2.0	-5.4	5,755	470	75.4	31.7	2,000,701	13.1	0.7	5.3	2.9
56 DCM	10,150	-2.4	-1.5	-16.1	5,373	529	24.4	45.0	498,743	12.9	0.8	6.6	3.8
57 PME	69,500	-3.5	-1.8	-3.7	5,213	75	99.0	0.0	12,322	16.0	3.2	19.3	16.0
58 LGC	27,000	0.0	36.4	39.2	5,207	193	N/A	4.0	2	31.4	2.0	6.7	1.8
59 FRT	76,000	1.3	-12.6	N/A	5,168	68	92.4	1.6	14,060	18.4	6.5	42.9	6.8
60 TLG	76,500	5.8	2.5	-2.4	5,028	66	26.7	72.1	3,320	20.4	4.2	22.3	16.2

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. Sales&Trading VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi bộ phận Sales&Trading – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

VNDIRECT SALES & TRADING

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : phong.sale.trading@vndirect.com.vn

Website: <http://vndirect.com.vn>